

Ngày 15-12-2020
V/v Yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận.

Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa:

1- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1975, Vắng mặt.

Địa chỉ: 247A/ô 1 tổ 8 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974, Vắng mặt.

Địa chỉ: 247A/ô 1 tổ 8 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2020, bản khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H với bà T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, giấy đăng ký kết hôn số 55 ngày 18 tháng 6 năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bà T cờ bạc không quan tâm gia đình con cái, vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không con quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 09/01/2005, tình trạng sức khỏe bình thường, hiện đang sống cùng ông H.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Nay, ông H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T; Về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý vụ án không triệu tập được bà T nên không thu thập được lời khai để biết được ý kiến của bà T đối với yêu cầu của ông H.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành, không tham gia phiên H giải và xét xử.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Ông H yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bà T có nơi cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]*Về nội dung:*

[2.1]*Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa ông H và bà T xảy ra mâu thuẫn theo ông H là do không hợp nhau, bà T ham mê cờ bạc không quan tâm gia đình, vợ chồng thường xảy ra gây gổ, cãi vã. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không H giải được mặc dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay, ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn, từ ngày thụ lý yêu cầu của ông H Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà T không đến Tòa án, không cung cấp bản khai, không có ý kiến để xác định lời trình bày của ông H về tình trạng hôn nhân có đúng hay không. Hiện bà T còn hộ khẩu ở địa phương, nhưng không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng phải qua niêm yết, bà T không hợp tác đến tòa, điều này cho thấy bà T không còn tha thiết gì về quan hệ vợ chồng, không đến Tòa án để tham gia H giải hàn gắn. Như vậy, lời trình bày của ông H về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, theo quy định tại

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Từ ngày sống ly thân con chung do ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tình trạng sức khỏe bình thường ông H có đủ điều kiện nuôi con chung. Nên giao con chung cho ông H nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung được quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà T không phải chịu án phí.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu H, ông H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2/- *Về con chung*: Ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 09/01/2005, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn ông H, bà T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

3/- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/- *Về án phí*: Ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000914 ngày 27/08/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ; bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến